

# 10 ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 10 NĂM HỌC 2020-2021 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## 1. Đề thi HK1 môn Ngữ Văn 10 số 1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

ĐỀ THI HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

### I. Phần Đọc hiểu: (3,0 điểm)

Đọc bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

#### MƯỜI CÁI TRỨNG

*“Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn, tháng khốn, tháng nạn  
Đi vay đi dạm, được một quan tiền  
Ra chợ Kẻ Diên mua con gà mái  
Về nuôi ba tháng; hấn đẻ ra mười trứng  
Một trứng: ung, hai trứng: ung, ba trứng: ung,  
Bốn trứng: ung, năm trứng: ung, sáu trứng: ung,  
Bảy trứng: cũng ung  
Còn ba trứng nở ra ba con  
Con điều tha  
Con quạ quắp  
Con mặt cắt xoi  
Chớ than phận khó ai ơi!  
Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”*

(Ca dao Bình Trị Thiên)

**Câu 1:** Chỉ ra một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu ca dao sau:

*“Một trứng: ung, hai trứng: ung, ba trứng: ung,  
Bốn trứng: ung, năm trứng: ung, sáu trứng: ung,  
Bảy trứng: cũng ung”*

**Câu 2:** Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật vừa chỉ ra ở câu 1.

**Câu 3:** Nêu nội dung của hai câu ca dao: Chớ than phận khó ai ơi!/Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây?

**Câu 4:** Trình bày suy nghĩ của anh/chị về thông điệp được gợi ra từ hai câu ca dao sau (viết khoảng 6 đến 8 dòng):

“Chớ than phận khó ai ơi!  
Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”

## II. Phần Làm văn: (7,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về bài thơ Tỏ lòng (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão.

-----HẾT-----

### HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 1 MÔN: NGỮ VĂN 10

#### I. Đọc Hiểu (3đ)

1. Liệt kê/lặp từ/ lặp cấu trúc ngữ pháp (cú pháp)/tăng cấp (tăng tiến)/ẩn dụ...

(HS có thể kể một trong các biện pháp tu từ trên)

2. - Tác dụng của liệt kê, lặp từ, lặp cấu trúc, tăng cấp: Liệt kê và nhấn mạnh nỗi khổ của người lao động xưa.

- Biện pháp ẩn dụ: "Trúng ung" – những mất mát liên miên xảy ra đối người lao động.

=> Hình ảnh tượng trưng về nỗi khổ của người lao động xưa.

(HS có thể chọn một biện pháp nghệ thuật, chỉ ra biện pháp nghệ thuật đó và nêu đúng tác dụng).

3. - Câu ca dao là lời tự động viên mình của người lao động xưa.

- Là lời nhắn nhủ mọi người hãy luôn lạc quan, tin tưởng dù cuộc sống còn nhiều khó khăn.

(HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo một trong hai nội dung trên)

4. - Nội dung: HS có thể nói về một trong các thông điệp sau:

Tinh thần lạc quan trong cuộc sống;

Biết chấp nhận khó khăn để tìm cách vượt qua...

- Hình thức:

Khoảng 6 – 8 dòng (có thể hơn hoặc kém 1 dòng),

Đúng chính tả, ngữ pháp.

(HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo thể hiện suy nghĩ sâu sắc, chân thành, tích cực về một thông điệp gợi ra từ câu ca dao)

#### II. Phần Tập làm văn (3đ)

HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các yêu cầu sau:

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề nghị luận, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. (0,25)
2. Xác định được vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận bài thơ Tổ lòng – Phạm Ngũ Lão. (0,25)
3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.

#### a. Mở bài (0,5)

- Giới thiệu tác giả Phạm Ngũ Lão; giới thiệu tác phẩm: Tổ lòng (Thuật hoài).
- Nêu vấn đề nghị luận: Bài thơ Tổ lòng.

#### b. Thân bài

- Sơ lược về nhà Trần (0,5)
- + Trong các triều đại phong kiến nhà Trần là triều đại để lại nhiều dấu ấn lịch sử đáng ghi nhớ nhất.
- + Thời đại ấy hun đúc nên những con người vĩ đại và trở lại, con người lại làm vẻ vang cho thời đại sản sinh ra mình.
- Nội dung:
- + Vẽ đẹp con người: (3,0)
  - Hình tượng con người kì vĩ (Hai câu đầu).
  - Vẽ đẹp tư tưởng nhân cách (Hai câu sau).
  - Vẽ đẹp thời đại (HS có thể trình bày lồng vào vẽ đẹp con người) (1,0)
  - Chân dung thời đại được phản ánh qua hình tượng con người trung tâm.
  - Hình ảnh con người trầm tư suy nghĩ về ý chí lí tưởng, hoài bão của mình là sự khúc xạ tuyệt đẹp của chân dung thời đại.
- Nghệ thuật: (0,5)
- + Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật ngắn gọn, đạt tới độ súc tích cao.
- + Từ ngữ hình ảnh to lớn để miêu tả tầm vóc của con người thời đại nhà Trần.
- c. Kết bài:** Nhận xét đánh giá: Con người và thời đại nhà Trần (Thời đại Đông A) thật gần gũi, đẹp đẽ. (0,5)

4. Sáng tạo: có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. (0,25)

5. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu trong tiếng Việt. (0,25)

## 2. Đề thi HK1 môn Ngữ Văn 10 số 2

TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ THI HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

### Câu 1 (4,0 điểm)

Cho đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu,  
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.  
Nam nhi vị liễu công danh trái,  
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu”*

- a. (1đ) Hãy xác định tên bài thơ, tên tác giả trong đoạn thơ trên?
- b. (1đ) Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong câu thơ sau: Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.
- c. (2đ) Từ hai câu thơ sau:

*“Nam nhi vị liễu công danh trái,  
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu”*

Viết một đoạn văn ngắn (10 đến 15 câu) suy nghĩ của em về lí tưởng sống của thanh niên trong xã hội hiện nay.

### Câu 2 (6,0 điểm)

Cảm nhận của em về bài thơ Cảnh ngày hè (Bảo kính cảnh giới số 43) của Nguyễn Trãi.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 2

MÔN: NGỮ VĂN 10

### Câu 1 (4,0 điểm)

- a. - Tên bài thơ: Tổ lòng (Thuật hoài) (0,5đ)  
- Tên tác giả: Phạm Ngũ Lão (0,5đ)
- b. - NT: so sánh, phóng đại: ba quân như hổ báo, khí thế hùng dũng nuốt trôi trâu. (0,25đ)

- Tác dụng: (0,75đ)

Cụ thể hoá sức mạnh vật chất

Khái quát hoá sức mạnh tinh thần

-> Hình ảnh quân đội nhà Trần hiện lên sôi sục khí thế quyết chiến quyết thắng, đó là sức mạnh đoàn kết của dân tộc ta.

(HS diễn đạt thêm)

c. HS viết thành đoạn văn và phải đảm bảo nội dung sau:

Chí làm trai trong hai câu thơ: (1,0đ)

*"Nam nhi vị liễu công danh trái,  
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu"*

Sống có trách nhiệm, hy sinh vì nghĩa lớn.

Khát vọng đem tài trí để tận trung báo quốc, đó là lẽ sống lớn của một con người đầy tài năng và hoài bão.

Lí tưởng sống của thanh niên trong xã hội hiện nay: (1,0đ)

Vai trò của tầng lớp thanh niên có lí tưởng trong đời sống cá nhân, xã hội?

Lẽ sống, niềm tin và những đóng góp của thanh niên hiện nay?

Những kì vọng của gia đình và xã hội.

**Câu 2 (6,0 điểm)** Phân tích bài thơ "Cảnh ngày hè" (Bảo kính cảnh giới số 43) của Nguyễn Trãi.

### 1. Yêu cầu về kĩ năng:

Biết cách làm bài văn nghị luận văn học về một tác phẩm thơ

Bố cục 3 phần rõ ràng

Lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

### 2. Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở kiến thức về nhà văn, về tác phẩm, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cơ bản nêu được các ý sau:

#### a. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: (0,5đ)

Nguyễn Trãi là nhà thơ lớn của dân tộc, để lại nhiều sáng tác có giá trị.

Bài Cảnh ngày hè là bài thơ tiêu biểu trong tập Quốc âm thi tập, bài thơ là bức tranh thiên nhiên sinh động ngày hè và nổi bật lên là vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi trong bài thơ: yêu đời, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và tấm lòng yêu nước thiết tha, cháy bỏng.

### **b. Bức tranh thiên nhiên ngày hè:**

Với tình yêu thiên nhiên nồng nàn, cùng với tâm hồn tinh tế, nhạy cảm tác giả đã đón nhận thiên nhiên bằng các giác quan: thị giác, thính giác, khứu giác... (1,0đ)

Các hình ảnh: hoa hòe, thạch lựu, hoa sen.

Âm thanh: tiếng ve.

Mùi hương: của hoa sen.

Nghệ thuật: (1,0đ)

Các động từ: đùn đùn, phun + tính từ tiến.

Hình ảnh gần gũi, dân dã với cuộc sống.

-> Nhận xét: Bức tranh chân thực mang nét đặc trưng của mùa hè ở thôn quê, kết hợp hài hòa đường nét và màu sắc. Bức tranh thiên nhiên sinh động, tràn đầy sức sống (nguồn sống ấy được tạo ra từ sự thôi thúc tự bên trong, đang ứ căng, tràn đầy trong lòng thiên nhiên vạn vật, khiến chúng phải "giương lên", "phun" ra hết lớp này đến lớp khác. (0,5đ)

\* Bức tranh cuộc sống sinh hoạt và tấm lòng với dân, với nước.

Hướng về cuộc sống lao động, cuộc sống sinh hoạt của nhân dân: (0,25đ)

Hình ảnh: chợ cá làng ngư phủ → cuộc sống tập nập, đông vui, ồn ào, no đủ. (0,5đ)

Âm thanh: lao xao → Từ xa vọng lại, lắng nghe âm thanh của cuộc sống, quan tâm tới cuộc sống của nhân dân. (0,25đ)

-> Bức tranh miêu tả cuối ngày nhưng không gợi cảm giác ảm đạm. Bởi ngày sắp tàn nhưng cuộc sống không ngừng lại, thiên nhiên vẫn vận động với cuộc sống dồi dào, mãnh liệt, bức tranh thiên nhiên vẫn rộn rã những âm thanh tươi vui. (0,25đ)

Mong ước khát vọng cho nhân dân khắp mọi nơi đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc: (0,25đ)

Ước muốn có chiếc đàn của vua Thuấn để gảy lên khúc nam phong ca ngợi cuộc sống no đủ của nhân dân. Tấm lòng ưu ái với nước. (0,5đ)

Câu cuối: câu lục ngôn ngắt nhịp 3/3 âm hưởng đều đặn đã thể hiện khát vọng mạnh mẽ của Nguyễn Trãi (0,25đ)

3. Bài thơ cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi - người anh hùng dân tộc: yêu thiên nhiên và luôn nặng lòng với dân với nước. (0,5đ)

### 3. Đề thi HK1 môn Ngữ Văn 10 số 3

TRƯỜNG THPT ĐÔNG DU

ĐỀ THI HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

#### I. Đọc hiểu (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“...Một lần, Khổng Tử cùng học trò đi đến biên giới giữa nước Trần và nước Thái thì lương thực vừa cạn hết. Mấy thầy trò còn phải ăn cháo loãng. Những ngày sau, ngay cả cháo cũng không còn, phải ăn rau dại cầm hơi. Khổng Tử ngày một gầy đi. Tử Lộ và Nhan Hôi, hai học trò yêu của Khổng Tử thì trong lòng như lửa đốt.

Một hôm, Nhan Hôi đang ôm bụng đói mà rẽ đường, băng lội, vượt đồng không mông quạnh tìm thức ăn thì may thay thấy được một mái nhà tranh. Ông lão chủ nhà nghe chuyện mấy thầy trò khổ cực làm vậy, mới vội vàng vào nhà xúc gạo đưa cho Nhan Hôi.

Về nhà, thấy Khổng Tử đang ngủ, Nhan Hôi chẳng dám kinh động thầy, lặng lẽ xuống bếp nhóm lửa, nấu cơm. Mùi cơm chín bay khắp nhà. Khổng Tử tỉnh giấc nhìn quanh, bất giác bắt gặp Nhan Hôi đang nhón tay bốc một nắm cơm trong nồi ăn. Ông thở dài rồi than thở: “Trò yêu của ta lẽ nào lại ăn vụng thầy, vụng bạn thế sao? Còn đâu lễ nghĩa, đạo lý? Bao kỳ vọng đặt vào nó thế là đổ sông, đổ biển cả rồi!”.

Rồi Khổng Tử vờ như không thấy, quay mặt vào tường ngủ tiếp. Một lát sau, Nhan Hôi kính cẩn bước vào nhà trong, nhẹ nhàng lay thầy dậy: “Thưa Phu tử, cơm đã dọn xong, mời Phu tử xuống dùng bữa!”. Khổng Tử ngồi dậy, nói với học trò: “Các trò ạ, ta vừa mơ thấy cha mẹ mình. Chi bằng ta xới một bát cơm để dâng tế họ trước là hơn”. Đoạn, Khổng Tử bê bát cơm chuẩn bị mang đi cúng.

Nhưng Nhan Hôi vội vàng ngăn thầy lại rồi thưa: “Thưa Phu tử, nồi cơm này đã không còn sạch sẽ. Lúc nãy, khi nấu cơm, con sơ ý để bụi bẩn rơi vào nồi. Con định xới chỗ cơm bẩn ấy bỏ đi. Nhưng nghĩ bụng chút gạo này phải nhọc nhằn lắm mới kiếm được, thật quý giá biết bao, bỏ phí thì đúng là tội lớn. Con xới riêng phần cơm bẩn ấy ra rồi tự mình ăn trước, đã đắc tội với thầy và các sư huynh đệ. Bây giờ, con chỉ xin ăn rau. Còn nồi cơm đã không còn sạch sẽ, quyết không thể mang dâng tế được!”.

Nhan Hồi kể lại sự tình, Khổng Tử nghe mà ứa nước mắt, rồi thuật lại chuyện mình đã hiểu làm người học trò yêu ra sao với mọi người. Khổng Tử cũng gật gù tâm đắc khi có được một học trò đức độ, lễ nghĩa như Nhan Hồi.”

Nhưng sau này, Nhan Hồi yếu mệnh, qua đời khi mới vừa 40 tuổi. Cái chết của Nhan Hồi khiến Khổng Tử đau xót, thống khổ. Ông không cảm nổi đau thương, ngửa mặt khóc to lên rằng: “Trời đã diệt ta rồi! Trời đã diệt ta rồi!”

(<https://www.dkn.tv/van-hoa/hoc-tro-hanh-xu-vo-le-khong-tu-da-xu-tri-ra-sao.html>)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.
2. Vì sao Khổng Tử lại kể với học trò giấc mơ thấy cha mẹ mình và bê bát cơm chuẩn bị mang đi cúng? Lời thưa của Nhan Hồi khi ngăn thầy bê bát cơm đi cúng cho thấy vẻ đẹp gì ở người học trò này?
3. Thái độ của Khổng Tử thay đổi như thế nào sau khi nghe lời thưa của Nhan Hồi?
4. Anh/chị rút ra được bài học gì từ văn bản trên? Viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 câu nêu suy nghĩ của anh/chị về bài học đó?

## II. LÀM VĂN (7.0 Điểm)

Học sinh chọn một trong hai đề sau:

1. **Đề 1.** Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Tấm trong truyện cổ tích “Tấm Cám”. (sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam)
2. **Đề 2.** Phân tích hào khí Đông A trong bài thơ “Tỏ lòng” (“Thuật hoài”) của Phạm Ngũ Lão. (Sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam)

..... Hết.....

### HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 3 MÔN: NGỮ VĂN 10

#### I. ĐỌC HIỂU

##### Câu 1:

- Phương thức biểu đạt chính: tự sự



**Câu 2:**

- Bởi Khổng Tử muốn tạo điều kiện để học trò nói ra hành động của mình, cho học trò cơ hội để giải thích, tránh hiểu sai. Khổng Tử đã rất khéo léo mang vấn đề ra hỏi, vì thế mà sự việc được rõ ràng.

- Nhan Hôi là học trò trọng lễ nghĩa, đạo lý, biết kính trên nhường dưới. Nhan Hôi là một trong những học trò mà Khổng Tử yêu quý nhất.

**Câu 3:**

- Ban đầu, khi nhìn thấy hành động bốc nắm cơm trong nồi ăn của Nhan Hôi, Khổng Tử rất thất vọng về hành động của người học trò

- Sau khi nghe lời thưa của Nhan Hôi, Khổng Tử vô cùng xúc động, tự trách bản thân suýt chút nữa đã trở thành kẻ “hồ đồ” trách nhầm học trò của mình.

**Câu 4:** Bài học rút ra:

- Học sinh có thể rút ra những bài học sau: tôn sư trọng đạo, những điều mắt thấy tai nghe chưa chắc đã là sự thực. Để nhìn nhận, đánh giá đúng về sự việc thì hãy tìm hiểu và đứng ở góc độ của đối tượng, đặt bản thân vào vị trí của đối tượng thì mới có thể đánh giá khách quan, chính xác. Khi nhìn nhận, đánh giá một con người cũng vậy. Phải rất thận trọng, phải khách quan, toàn diện, cụ thể, không nên kết luận chỉ qua hành vi bên ngoài.

**II. LÀM VĂN****Câu 1:** Cảm nhận về nhân vật Tám trong truyện cổ tích “Tám Cám”**a. Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

**b. Cách giải:*****Yêu cầu hình thức:***

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

### ***Yêu cầu nội dung:***

#### **Mở bài:**

- Giới thiệu truyện cổ tích “Tấm Cám”
- Dẫn dắt vấn đề

#### **Thân bài:**

##### *1. Thân phận, con đường tìm đến hạnh phúc của Tấm*

a) Hoàn cảnh, thân phận: mồ côi, ở với dì ghẻ

=> Hoàn cảnh đáng thương, cô cút, đối xử bất công, tệ bạc

b) Mâu thuẫn xung đột giữa Tấm và mẹ con Cám

- Mâu thuẫn có ở hai giai đoạn: mâu thuẫn gia đình (từ đầu đến Tấm đi hội) và mâu thuẫn xã hội dữ dội một mất một còn (từ khi Tấm chết cho đến hết)

=> Tấm là nhân vật đại diện cho cái thiện, mẹ con Cám là nhân vật đại diện cho cái ác. Mâu thuẫn giữa Tấm và Cám không đơn thuần chỉ là mâu thuẫn, xung đột giữa dì ghẻ và con chồng trong gia đình mà còn là mâu thuẫn, xung đột giữa cái thiện và cái ác.

c) Con đường tìm đến hạnh phúc:

- Giai đoạn đầu: Tấm thụ động, yếu đuối, khi bị áp bức, đối xử bất công, Tấm chỉ biết ôm mặt khóc

- Sự xuất hiện của nhân vật Bụt: nhờ Bụt giúp đỡ, từ cô gái mồ côi nghèo trở thành hoàng hậu. => Thể hiện quan niệm triết lí của nhân dân “ở hiền gặp lành”, thể hiện khát vọng, ước mơ của nhân dân về hạnh phúc, lẽ công bằng trong cuộc sống.

=> Con đường tìm đến hạnh phúc của Tấm dù nhiều khó khăn, trắc trở nhưng cuối cùng Tấm vẫn tìm được hạnh phúc cho bản thân mình. Đó cũng là con đường đến với hạnh phúc của nhân vật lương thiện trong truyện cổ tích Việt Nam nói riêng, truyện cổ tích thế giới nói chung.

## 2. Cuộc đấu tranh giành lại hạnh phúc của Tấm

- Tấm trở thành hoàng hậu, bị mẹ con Cám hãm hại

- Những lần hóa thân của Tấm:

+ Chim vàng anh

+ Cây xoan đào

+ Khung cửi

+ Cây thị, quả thị

- Ý nghĩa của quá trình hóa thân:

+ Khẳng định sự bất diệt của cái thiện. Cái thiện không chết đi một cách oan ức, không bị khuất phục trước cái ác.

+ Sự hóa thân của Tấm thể hiện tính chất gay gắt, quyết liệt của cuộc chiến giữa cái thiện và cái ác. Cái thiện luôn chiến thắng.

+ Những sự vật mà Tấm hóa thân đều là những sự bầy bình dị, quen thuộc với người dân lao động. Đó cũng chính là những hình đẹp đẽ của làng quê Việt Nam xưa.

Ở Tấm không còn thụ động, yếu đuối, không còn sự xuất hiện của nhân vật Bụt. Một cô Tấm mạnh mẽ, quyết liệt, chủ động giành và giữ hạnh phúc cho mình.

## 3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

- Xây dựng những mẫu thuẫn có sự tăng tiến để thể hiện sự phát triển trong hành động nhân vật

- Xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập để khắc họa nhân vật

- Sử dụng các yếu tố thần kì.

**Kết bài:** Nêu cảm nhận của bản thân về nhân vật Tấm.

### Câu 2:

#### a. Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

## **b. Cách giải:**

### ***Yêu cầu hình thức:***

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

### ***Yêu cầu nội dung:***

#### **Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm
- Dẫn dắt vấn đề

#### **Thân bài:**

1. *Giải thích*: “Hào khí Đông A”: Hào khí Đông A là hào khí của thời Trần, hai chữ Đông và A khi ghép lại trong nguyên văn chữ Hán sẽ tạo nên chữ Trần, vậy nên mới nói, hào khí này là hào khí của nhà Trần, của quân và dân đời Trần. Nó cũng là cái khí thế oai hùng, hào sảng của nhà Trần, khi mà ở thời kì này, chúng ta đã ba lần đánh thắng quân Mông - Nguyên - đội quân hung hãn nhất thế giới thời bấy giờ. Hào khí Đông A cũng chính là cái khí thế đầy nhiệt huyết, hùng hực trong niềm vui chiến thắng kẻ thù, là sự khát khao mang tính thời đại bởi đối ai cũng muốn góp một phần sức lực bảo vệ non sông, xây dựng Tổ quốc mình. Đồng thời, cũng phải nói rằng hào khí Đông A là kết tinh sâu sắc của lòng yêu nước nồng nàn của con người Việt Nam ta thời đó.

#### 2. *Phân tích, chứng minh, bình luận:*

##### 2.1. *Hào khí Đông A thể hiện ở sự ca ngợi vẻ đẹp con người và sức mạnh quân đội nhà Trần*

###### a) *Hình tượng con người thời Trần*

- Hành động: hoành sóc – cầm ngang ngọn giáo

=> Tư thế hùng dũng, oai nghiêm, hiên ngang sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

- Không gian kì vĩ: giang sơn – non sông

=> Không gian rộng lớn, mênh mông, nó không đơn thuần là sông, là núi mà là giang sơn, đất nước, Tổ quốc

- Thời gian kì vĩ: khắp kỉ thu – đã mấy thu

=> Thời gian dài đằng đẵng, không biết đã bao nhiêu mùa thu, bao nhiêu năm đi qua, thể hiện quá trình đấu tranh bền bỉ, lâu dài.

=> Như vậy:

+ Hình ảnh người tráng sĩ cho thấy một tư thế hiên ngang, mạnh mẽ, hào hùng, sẵn sàng lập nên những chiến công vang dội

+ Hình ảnh, tầm vóc những người tráng sĩ ấy sánh với núi sông, đất nước, với tầm vóc hùng vĩ của vũ trụ.

+ Người tráng sĩ ấy ra đi bảo vệ Tổ quốc ròng rã mấy năm trời àm chưa từng một giây phút nào cảm thấy mệt mỏi mà trái lại vẫn bừng bừng khí thế hiên ngang, bất khuất, hùng dũng

b) Hình tượng quân đội thời Trần

- “Tam quân” (ba quân): tiền quân, trung quân, hậu quân – quân đội của nhà Trần, cả dân tộc cùng nhau đứng lên để chiến đấu.

- Sức mạnh của quân đội nhà Trần:

+ Hình ảnh quân đội nhà Trần được so sánh với “tì hổ” (hổ báo) qua đó thể hiện sức mạnh hùng dũng, dũng mãnh của đội quân.

+ “Khí thôn ngưu”: khí thế hào hùng, mạnh mẽ lấn át cả trời cao, cả không gian vũ trụ bao la, rộng lớn.

=> Với các hình ảnh so sánh, phóng đại độc đáo, sự kết hợp giữa hiện thực và lãng mạn, giữa hình ảnh khách quan với cảm nhận chủ quan đã cho thấy sức mạnh và tầm vóc của quân đội nhà Trần.

=> Như vậy, hai câu thơ đầu đã cho thấy hình ảnh người tráng sĩ hùng dũng, oai phong cùng tầm vóc mạnh mẽ và sức mạnh của quân đội nhà Trần. Nghệ thuật so sánh phong đại cùng giọng điệu hào hùng mang lại hiệu quả cao.

## 2.2. Hào khí Đông A thể hiện qua nỗi băn khoăn, suy tư về khát vọng lập công danh của con người

- Giọng điệu: trầm lắng, suy tư, qua đó bộc lộ tâm trạng băn khoăn, trăn trở
- Nợ công danh: Theo quan niệm nhà Nho, đây là món nợ lớn mà một trang nam nhi khi sinh ra đã phải mang trong mình. Nó gồm 2 phương diện: Lập công (để lại chiến công, sự nghiệp), lập danh (để lại danh thơm cho hậu thế). Kẻ làm trai phải làm xong hai nhiệm vụ này mới được coi là hoàn trả món nợ.
- Theo quan niệm của Phạm Ngũ Lão, làm trai mà chưa trả được nợ công danh “thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu”:

+ Thẹn: cảm thấy xấu hổ, thua kém với người khác

+ Chuyện Vũ Hầu: tác giả sử dụng tích về Khổng Minh - tấm gương về tinh thần tận tâm tận lực báo đáp chủ tướng. Hết lòng trả món nợ công danh đến hơi thở cuối cùng, để lại sự nghiệp vẻ vang và tiếng thơm cho hậu thế.

=> Nỗi thẹn của Phạm Ngũ Lão hết sức cao cả của một nhân cách lớn. Thể hiện khát khao, hoài bão hướng về phía trước để thực hiện lí tưởng, nó đánh thức ý chí làm trai, chí hướng lập công cho các trang nam tử.

=> Với âm hưởng trầm lắng, suy tư và việc sử dụng điển cố điển tích, hai câu thơ cuối đã thể hiện tâm tư và khát vọng lập công của Phạm Ngũ Lão cùng quan điểm về chí làm trai rất tiến bộ của ông.

## 3. Đánh giá

- Hào khí Đông A đã góp phần tạo nên chiến thắng lẫy lừng, tạo nên một thời đại với những kì tích rực rỡ lưu danh sử sách.
- Hào khí Đông A không chỉ là tư tưởng chung của bài thơ mà còn là của cả thời đại nhà Trần, khiến cho thế hệ trẻ phải suy nghĩ mình sẽ làm gì để xứng đáng với cha ông.
- Hào khí Đông A là dòng mạch chung của văn học cùng thời kì với bài thơ.

**Kết bài:**

- Nêu đánh giá, cảm nhận chung.

**4. Đề thi HK1 môn Ngữ Văn 10 số 4****TRƯỜNG THPT KIM BÌNH****ĐỀ THI HK1****NĂM HỌC: 2020 – 2021****MÔN: NGỮ VĂN 10****Thời gian làm bài: 90 phút****Phần I. Đọc hiểu (5 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“ Suốt bao nhiêu năm, cha đã làm người đưa thư trong cái thị trấn này. Cha đã đạp xe dọc theo theo những đại lộ hay những phố nhỏ chật hẹp, gõ cửa và đem đến tin tức của một họ hàng, đem những lời chào nồng nhiệt từ một nơi xa xôi nào đó [...]. Chiếc phong bì nào cũng đều chưa đựng những tin tức được mong chờ từ lâu. Con muốn cha biết được rằng con vô cùng kính yêu cha cũng như khâm phục biết bao nhiêu cái công việc cha đã làm cho hàng vạn con người [...]. Khi con nghĩ về hàng ngàn cây số cha đã đạp xe qua, đem theo một túi nặng đầy thư, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, dù trời nắng hay mưa, lòng con tràn ngập niềm tự hào khi tưởng tượng ra niềm vui mà cha đem lại cho những ai đợi chờ tin tức từ những người yêu dấu. Cha đã gắn kết những trái tim lại với nhau như một nhịp cầu vòng.”

( Trích Cha thân yêu nhất của con, theo Những bức thư đoạt giải UPU, Ngữ văn 10 , tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012 tr28 )

**Câu 1:** Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào ?

**Câu 2:** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản ?

**Câu 3:** Người con đã bộc lộ tình cảm, thái độ như thế nào đối với người cha và công việc đưa thư của ông ?

**Câu 4:** Từ văn bản trên, anh/ chị hãy viết một đoạn văn ( khoảng 1/2 trang giấy thi ) về tinh thần trách nhiệm trong cuộc sống hôm nay

**Phần II. Làm văn (5 điểm)**

Bà lão hàng nước đã có cuộc gặp gỡ kì lạ với qua thị-nơi nương thân của Tấm. Bà đã giúp Tấm trở lại lột người và Tấm đã được đoàn tụ với nhà vua trong hạnh phúc. Em hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đáng nhớ trong cuộc đời của bà hàng nước từ ngôi thứ nhất.

**HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 4****MÔN: NGỮ VĂN 10**

**Phần 1: Đọc hiểu:**

**Câu 1 :** Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

**Câu 2 :** Phương thức biểu đạt chính : biểu cảm

**Câu 3 :** Tình cảm, thái độ của người con đối với người cha : kính yêu “ con vô cùng kính yêu cha...”; với công việc đưa thư của ông : khâm phục, tự hào...“khâm phục biết bao nhiêu cái ông việc cha đã làm cho hàng vạn con người, lòng con tràn ngập niềm tự hào ..” Kính trọng, tự hào.

**Câu 4 :** - Ở câu này, giam khảo chấm điểm linh hoạt. Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- Học sinh trình bày suy nghĩ của mình với thái độ chân thành, nghiêm túc, hợp lí, thuyết phục. Có thể theo định hướng sau :

+ Hiểu và chỉ sau được những biểu hiện của người có tinh thần trách nhiệm ( Tinh thần trách nhiệm là ý thức và nỗ lực hoàn thành tốt chức trách và phận sự của mình với gia đình và xã hội..)

+ Khẳng định tầm quan trọng của tinh thần trách nhiệm trong cuộc sống : là tiêu chí để đánh giá con người, quyết định đến sự thành – bại của cá nhân và sự phát triển bền vững của xã hội...; có thể chỉ ra những hậu quả nghiêm trọng của cuộc sống do một số người làm việc vô trách nhiệm gây ra.

+ Rút ra bài học nhận thức và hành động : nêu cao tinh thần trách nhiệm trong mọi hoàn cảnh, ở mọi ngành nghề, mọi cương vị...

**Phần II: Làm văn**

- Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng phải đạt những nội dung chính sau:

+ Bà lão giới thiệu về mình.

+ Bà lão đã gặp và có được quả thị - nơi nương thân của Tấm.

+ Bà lão thấy sự khác lạ từ khi mang quả thị về nhà. Bà đã theo dõi và thấy một cô gái xinh đẹp bước ra từ quả thị rồi làm việc nhà giúp mình.

+ Bà lão đã xé nát vỏ thị và từ đó bà sống cùng cô Tấm.

+ Một lần nhà vua đi chơi, vào quán nước của bà. Nhờ miếng trầu têm cánh phượng mà nhà vua gặp lại vợ mình là Tấm.

+ Tấm đoàn tụ với nhà vua trong hạnh phúc.

+ Suy nghĩ của bà lão về cuộc gặp gỡ kì lạ của mình với Tấm.



## 5. Đề thi HK1 môn Ngữ Văn 10 số 5

TRƯỜNG THPT ĐỨC HUỆ

ĐỀ THI HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

### I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

*Cây nến thứ nhất than vãn: “Ta là biểu tượng của Thái Bình, Hòa Thuận. Thế nhưng đời nay những cái đó thật chên vênh. Thế giới hiếm khi im tiếng gươm súng, người với người - thậm chí vợ chồng, anh em trong một nhà cũng chẳng mấy khi không cãi cọ”, Thế rồi ngọn nến leo lét, ngọn lửa mờ dần cho tới khi ánh sáng lụi tắt hoàn toàn.*

*Ngọn nến thứ hai vừa lắc vừa kể lể: “Ta là Niềm Tin. Thế nhưng trong thế giới này hình như ta trở nên thừa thãi, một món xa xỉ. Biết bao kẻ sống theo thời không cần tới niềm tin”. Nói rồi ngọn nến từ từ tắt tỏa ra một làn khói trắng luyến tiếc.*

*“Ta là Tình Yêu - Ngọn nến thứ ba nói - Nhưng ta không còn đủ sức để tỏa sáng. Người ta gạt ta ra một bên và không thèm hiểu giá trị của ta. Cứ nhìn thế giới mà xem, không thiếu kẻ quên luôn cả tình yêu đối với những người ruột thịt của mình”. Dứt lời phẫn nộ, ngọn nến vụt tắt.*

*Căn phòng trở nên tối tăm. Chỉ còn một ngọn nến nằm ở góc xa vẫn tiếp tục phát ra ánh sáng, như ngôi sao đơn độc giữa bầu trời đêm âm u. Bất chợt một cô bé bước vào trong phòng. Thấy ba ngọn nến bị tắt, cô bé thốt lên: “Tại sao các bạn không cháy nữa? Cuộc sống này luôn cần các bạn, Hòa Bình, Niềm Tin, Tình Yêu phải luôn tỏa sáng chứ!”. Cây nến thứ tư nãy giờ vẫn lặng lẽ cháy trong góc phòng: đáp lời cô gái: “Đừng lo, Tôi là Hy Vọng. Nếu tôi còn cháy, dù ngọn lửa rất mong manh, chúng ta vẫn có thể thắp sáng lại Hòa Bình, Niềm Tin và Tình Yêu.”*

*Mắt cô bé sáng lên. Cô bé dùng cây nến thứ tư - Hy Vọng - thắp sáng trở lại các cây nến khác.*

(Quà tặng cuộc sống - Nguồn Internet)

Trả lời câu hỏi:

**Câu 1:** Anh/chị hãy chỉ ra phương thức biểu đạt và cho biết vì sao chọn phương thức biểu đạt ấy?

**Câu 2:** Nêu nội dung của văn bản và đặt một nhan đề thích hợp.

**Câu 3:** Theo anh/chị vì sao các ngọn nến thứ nhất, thứ hai và thứ ba lại vụt tắt?

**Câu 4:** Anh/chị rút ra bài học gì từ lời khẳng định của cây nến thứ tư: “Đừng lo. Tôi là Hy Vọng. Nếu tôi còn cháy, dù ngọn lửa rất mong manh, chúng ta vẫn có thể thắp sáng lại Hòa Bình, Niềm Tin và Tình Yêu”?

## II. PHẦN LÀM VĂN (6,0 điểm)

Phân tích bài thơ:

*“Múa giáo non sông trải mấy thu,  
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.  
Công danh nam tử còn vương nợ,  
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu.”*

(Tỏ lòng - Phạm Ngũ Lão - SGK Ngữ văn lớp 10)

.....Hết.....

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 5 MÔN: NGỮ VĂN 10

### I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4.0 điểm)

**Câu 1:**

*Phương pháp:* Đọc, xác định phương thức biểu đạt

*Cách giải:*

- Phương thức biểu đạt: nghị luận
- Lí giải: văn bản đưa ra những bàn bạc, đánh giá, quan điểm của người viết.

**Câu 2:**

*Phương pháp:* Đọc, tìm ý

*Cách giải:*

- Vai trò, ý nghĩa của hi vọng, lạc quan trong cuộc sống
- Học sinh lựa chọn một nhan đề thích hợp.

### **Câu 3:**

*Phương pháp:* Phân tích, lí giải

*Cách giải:*

Ba ngọn nến tự vụt tắt vì cả ba sống không có niềm tin, không có hy vọng, luôn sống trong sự bi quan, chán nản. Cả ba vụt tắt là điểm tắt yếu

### **Câu 4:**

*Phương pháp:* Phân tích, bình luận

*Cách giải:* HS lựa chọn bài học và lý giải sự lựa chọn sao cho phù hợp, thuyết phục

**Gợi ý:**

- Không đánh mất hi vọng, niềm tin trong cuộc sống

...

## **II. PHẦN LÀM VĂN (6,0 điểm)**

*Phương pháp:*

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bình luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

**Cách giải:**

- ***Yêu cầu hình thức:***

+ Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

+ Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

**- Yêu cầu nội dung:**

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm
- Dẫn dắt vấn đề

**b. Thân bài:**

**- Hình tượng con người và sức mạnh quân đội nhà Trần**

- + Hình tượng con người thời Trần
- + Hành động: hoành sóc – cầm ngang ngọn giáo
- => Tư thế hùng dũng, oai nghiêm, hiên ngang sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.
- + Không gian kì vĩ: giang sơn – non sông
- => Không gian rộng lớn, mênh mông, nó không đơn thuần là sông, là núi mà là giang sơn, đất nước, Tổ quốc
- + Thời gian kì vĩ: khắp kỉ thu – đã mấy thu
- => Thời gian dài đằng đẵng, không biết đã bao nhiêu mùa thu, bao nhiêu năm đi qua, thể hiện quá trình đấu tranh bền bỉ, lâu dài.

Như vậy:

- + Hình ảnh người tráng sĩ cho thấy một tư thế hiên ngang, mạnh mẽ, hào hùng, sẵn sàng lập nên những chiến công vang dội
- + Hình ảnh, tầm vóc những người tráng sĩ ấy sánh với núi sông, đất nước, với tầm vóc hùng vĩ của vũ trụ.
- + Người tráng sĩ ấy ra đi bảo vệ Tổ quốc ròng rã mấy năm trời àm chưa từng một giây phút nào cảm thấy mệt mỏi mà trái lại vẫn bừng bừng khí thế hiên ngang, bất khuất, hùng dũng
- Hình tượng quân đội thời Trần

+ “Tam quân” (ba quân): tiền quân, trung quân, hậu quân – quân đội của cả đất nước, cả dân tộc cùng nhau đứng lên để chiến đấu.

+ Sức mạnh của quân đội nhà Trần:

+ Hình ảnh quân đội nhà Trần được so sánh với “ti hổ” (hổ báo) qua đó thể hiện sức mạnh hùng dũng, dũng mãnh của đội quân.

+ “Khí thôn ngưu”: khí thế hào hùng, mạnh mẽ lấn át cả trời cao, cả không gian vũ trụ bao la, rộng lớn.

=> Với các hình ảnh so sánh, phóng đại độc đáo, sự kết hợp giữa hiện thực và lãng mạn, giữa hình ảnh khách quan với cảm nhận chủ quan đã cho thấy sức mạnh và tầm vóc của quân đội nhà Trần.

=> Như vậy, hai câu thơ đầu đã cho thấy hình ảnh người tráng sĩ hùng dũng, oai phong cùng tầm vóc mạnh mẽ và sức mạnh của quân đội nhà Trần. Nghệ thuật so sánh phóng đại cùng giọng điệu hào hùng mang lại hiệu quả cao.

### **- Nỗi lòng muốn bày tỏ của tác giả**

+ Giọng điệu: trầm lắng, suy tư, qua đó bộc lộ tâm trạng băn khoăn, trăn trở

+ Nợ công danh: Theo quan niệm nhà Nho, đây là món nợ lớn mà một trang nam nhi khi sinh ra đã phải mang trong mình. Nó gồm 2 phương diện: Lập công (để lại chiến công, sự nghiệp), lập danh (để lại danh thơm cho hậu thế). Kẻ làm trai phải làm xong hai nhiệm vụ này mới được coi là hoàn trả món nợ.

+ Theo quan niệm của Phạm Ngũ Lão, làm trai mà chưa trả được nợ công danh “thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu”:

+ Thẹn: cảm thấy xấu hổ, thua kém với người khác

+ Chuyện Vũ Hầu: tác giả sử dụng tích về Khổng Minh - tấm gương về tinh thần tận tâm tận lực báo đáp chủ tướng. Hết lòng trả món nợ công danh đến hơi thở cuối cùng, để lại sự nghiệp vẻ vang và tiếng thơm cho hậu thế.

=> Nỗi thẹn của Phạm Ngũ Lão hết sức cao cả của một nhân cách lớn. Thể hiện khát khao, hoài bão hướng về phía trước để thực hiện lí tưởng, nó đánh thức ý chí làm trai, chí hướng lập công cho các trang nam tử.

=> Với âm hưởng trầm lắng, suy tư và việc sử dụng điển cố điển tích, hai câu thơ cuối đã thể hiện tâm tư và khát vọng lập công của Phạm Ngũ Lão cùng quan điểm về chí làm trai rất tiến bộ của ông.

### c. Kết bài:

- Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật.

- Bài học đối với thế hệ thanh niên ngày nay: Sống phải có ước mơ, hoài bão, biết vượt qua khó khăn, thử thách để biến ước mơ thành hiện thực, có ý thức trách nhiệm với cá nhân và cộng đồng.

## 6. Đề thi HK1 môn Ngữ Văn 10 số 6

### TRƯỜNG THPT KIẾN TƯỜNG

ĐỀ THI HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

### PHẦN 1: ĐỌC HIỂU (3 ĐIỂM)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

*“Thân em như tấm lụa đào*

*Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai*

*thân em như củ ấu gai*

*Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen*

*Ai ơi, nếm thử mà xem!*

*Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi.”*

(Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa)

1. Nêu nội dung chính của bài ca dao trên?

2. Bài ca dao sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả của việc sử dụng biện pháp nghệ thuật đó?

- Viết ít nhất hai bài ca dao bắt đầu bằng cụm từ “Thân em”
- Từ bài ca dao trên, em hãy viết một đoạn văn (từ 5 đến 7 dòng) trình bày suy nghĩ của bản thân về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

## PHẦN 2: LÀM VĂN (7 ĐIỂM)

Phân tích bài thơ sau:

Phiên âm

*“Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu,  
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.  
Nam nhi vị liễu công danh trái,  
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.”*

Dịch thơ:

*“Múa giáo non sông trải mấy thu,  
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu  
Công danh nam tử còn vương nợ.  
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.”*

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 6 MÔN: NGỮ VĂN 10

### I. ĐỌC HIỂU (3 ĐIỂM)

Câu 1:

**Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

**Cách giải:**

Nội dung: Là lời than của người phụ nữ về số phận bất hạnh, lệ thuộc, không được làm chủ cuộc đời mình trong xã hội cũ. Đồng thời bài ca dao khẳng định vẻ đẹp, giá trị của người phụ nữ.

**Câu 2:****Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp**Cách giải:**

- Cách mở đầu quen thuộc trong ca dao: “Thân em”
- Nghệ thuật so sánh, ẩn dụ “thân em” với hình ảnh “tám lụa đào”, “của ấu gai”
- Câu hỏi tu từ “Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”
- Tác dụng:
  - + Gợi vẻ đẹp và thân phận bấp bênh, bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội cũ...
  - + Giúp cho bài ca dao giàu giá trị biểu đạt, tăng sức gợi hình, gợi cảm

**Câu 3:****Phương pháp:** Tổng hợp**Gợi ý:**

- Thân em như hạt mưa sa  
Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày
- Thân em như giếng giữa làng  
Người thanh rửa mặt, người phàm rửa chân

**Câu 4:****Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp**Gợi ý:**

- Người phụ nữ mang vẻ đẹp cả về hình thức, phẩm chất
- Người phụ nữ ý thức rất rõ về bản thân nhưng không tự quyết định được tương lai hạnh phúc của mình

**II. LÀM VĂN (7 ĐIỂM)**



Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

**Cách giải:**

**Yêu cầu hình thức:**

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

**Yêu cầu nội dung:**

**Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả Phạm Ngũ Lão: Phạm Ngũ Lão là người văn võ song toàn, ông có nhiều sáng tác nói về chí làm trai và lòng yêu nước
- Giới thiệu tác phẩm “Tổ lòng”: “Tổ lòng” là bài thơ Đường luật ngắn gọn, súc tích, khắc họa vẻ đẹp con người có sức mạnh, có lí tưởng, nhân cách cao cả cùng khí thế hào hùng của thời đại

**Thân bài:**

### **1. Hình tượng con người và sức mạnh quân đội nhà Trần**

#### *a) Hình tượng con người thời Trần*

- Hành động: hoành sóc – cầm ngang ngọn giáo

=> Tư thế hùng dũng, oai nghiêm, hiên ngang sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

- Không gian kì vĩ: giang sơn – non sông

=> Không gian rộng lớn, mênh mông, nó không đơn thuần là sông, là núi mà là giang sơn, đất nước, Tổ quốc

- Thời gian kì vĩ: khắp kỉ thu – đã mấy thu

=> Thời gian dài đằng đẵng, không biết đã bao nhiêu mùa thu, bao nhiêu năm đi qua, thể hiện quá trình đấu tranh bền bỉ, lâu dài.

Như vậy:

+ Hình ảnh người tráng sĩ cho thấy một tư thế hiên ngang, mạnh mẽ, hào hùng, sẵn sàng lập nên những chiến công vang dội

+ Hình ảnh, tầm vóc những người tráng sĩ ấy sánh với núi sông, đất nước, với tầm vóc hùng vĩ của vũ trụ.

+ Người tráng sĩ ấy ra đi bảo vệ Tổ quốc ròng rã mấy năm trời àm chưa từng một giây phút nào cảm thấy mệt mỏi mà trái lại vẫn bừng bừng khí thế hiên ngang, bất khuất, hùng dũng

### *b) Hình tượng quân đội thời Trần*

- “Tam quân” (ba quân): tiền quân, trung quân, hậu quân – quân đội của cả đất nước, cả dân tộc cùng nhau đứng lên để chiến đấu.

- Sức mạnh của quân đội nhà Trần:

+ Hình ảnh quân đội nhà Trần được so sánh với “tì hổ” (hổ báo) qua đó thể hiện sức mạnh hùng dũng, dũng mãnh của đội quân.

+ “Khí thôn ngưu”: khí thế hào hùng, mạnh mẽ lấn át cả trời cao, cả không gian vũ trụ bao la, rộng lớn.

=> Với các hình ảnh so sánh, phóng đại độc đáo, sự kết hợp giữa hiện thực và lãng mạn, giữa hình ảnh khách quan với cảm nhận chủ quan đã cho thấy sức mạnh và tầm vóc của quân đội nhà Trần.

=> Như vậy, hai câu thơ đầu đã cho thấy hình ảnh người tráng sĩ hùng dũng, oai phong cùng tầm vóc mạnh mẽ và sức mạnh của quân đội nhà Trần. Nghệ thuật so sánh phóng đại cùng giọng điệu hào hùng mang lại hiệu quả cao.

## **2. Nỗi lòng muốn bày tỏ của tác giả**

- Giọng điệu: trầm lắng, suy tư, qua đó bộc lộ tâm trạng băn khoăn, trăn trở

- Nợ công danh: Theo quan niệm nhà Nho, đây là món nợ lớn mà một trang nam nhi khi sinh ra đã phải mang trong mình. Nó gồm 2 phương diện: Lập công (để lại chiến công, sự nghiệp),

lập danh (để lại danh thơm cho hậu thế). Kẻ làm trai phải làm xong hai nhiệm vụ này mới được coi là hoàn trả món nợ.

- Theo quan niệm của Phạm Ngũ Lão, làm trai mà chưa trả được nợ công danh “thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu”:

+ Thẹn: cảm thấy xấu hổ, thua kém với người khác

+ Chuyện Vũ Hầu: tác giả sử dụng tích về Khổng Minh - tấm gương về tinh thần tận tâm tận lực báo đáp chủ tướng. Hết lòng trả món nợ công danh đến hơi thở cuối cùng, để lại sự nghiệp vẻ vang và tiếng thơm cho hậu thế.

=> Nỗi thẹn của Phạm Ngũ Lão hết sức cao cả của một nhân cách lớn. Thể hiện khát khao, hoài bão hướng về phía trước để thực hiện lí tưởng, nó đánh thức ý chí làm trai, chí hướng lập công cho các trang nam tử.

=> Với âm hưởng trầm lắng, suy tư và việc sử dụng điển cố điển tích, hai câu thơ cuối đã thể hiện tâm tư và khát vọng lập công của Phạm Ngũ Lão cùng quan điểm về chí làm trai rất tiến bộ của ông.

#### **Kết bài:**

- Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật.

- Bài học đối với thế hệ thanh niên ngày nay: Sống phải có ước mơ, hoài bão, biết vượt qua khó khăn, thử thách để biến ước mơ thành hiện thực, có ý thức trách nhiệm với cá nhân và cộng đồng.

## **7. Đề thi HK1 môn Ngữ Văn 10 số 7**

**TRƯỜNG THPT THÁI HÀ**

**ĐỀ THI HK1**

**NĂM HỌC: 2020 – 2021**

**MÔN: NGỮ VĂN 10**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

### **I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 3:

*Tháng năm xanh ai đốt*

*Tàn tro bay trắng đầu*

*Về quê thăm bạn cũ  
Mây bồng bênh mắt nhau*

(Thăm bạn - Nguyễn Ngọc Oánh, trích *Tạp chí Cửa Việt* số 179, tháng 8 năm 2015)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên? (1,0 điểm)

**Câu 2.** Văn bản trên được viết theo thể thơ nào? (1,0 điểm)

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ? (1,0 điểm)

*Tháng năm xanh ai đốt  
Tàn tro bay trắng đầu*

## II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua bài thơ *Cảnh ngày hè*. Qua đó, anh/chị hãy liên hệ đến vai trò, ý thức và trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với việc xây dựng, bảo vệ đất nước trong giai đoạn hiện nay?

*Rồi hóng mát, thuở ngày trường  
Hè lục đùn đùn, tán rợp giương  
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ  
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương  
Lao xao chợ cá làng Ngư phủ  
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương  
Để có Ngu cầm đàn một tiếng  
Dân giàu đủ, khắp đòi phương*

(Cảnh ngày hè - Nguyễn Trãi, Ngữ văn 10, tập 1, NXB Giáo dục, năm 2015, tr.118)

### HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 7

#### MÔN: NGỮ VĂN 10

## I. ĐỌC HIỂU

### Câu 1:

Phương pháp: Căn cứ vào các phương thức biểu đạt đã được học: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, hành chính – công vụ

Cách giải:

- Phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản là: Biểu cảm

### Câu 2:

Phương pháp: Căn cứ vào các thể thơ đã học

**Cách giải:**

- Thể thơ 5 chữ

**Câu 3:**

Phương pháp: Căn cứ vào các biện pháp tu từ đã học

Cách giải:

- Biện pháp hoán dụ: Dùng hình ảnh *tháng năm xanh và tàn tro bay trắng đầu* để nhấn mạnh sự trôi chảy rất nhanh của thời gian.

**II. LÀM VĂN**

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

**Yêu cầu chung:**

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.
- Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân.
- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

**Yêu cầu nội dung:****1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm**

- Nguyễn Trãi không chỉ là một bậc anh hùng dân tộc mà còn là một nhà văn hóa lớn, một danh nhân văn hóa thế giới. Ông đã để lại cho đời một sự nghiệp văn học vô cùng phong phú trong cả hai mảng văn chính luận và thơ trữ tình.

- Bài thơ *Cảnh ngày hè* là một trong những sáng tác tiêu biểu của Nguyễn Trãi. Bài thơ nằm trong phần *Bảo kính cảnh giới* và là bài thơ số 43.

## 2. Cảm nhận về bài thơ

### 2.1 Bức tranh thiên cuộc sống ngày hè

- Thời gian: đầu tịch dương

Thời điểm cuối ngày trong văn học trung đại cũng có những câu thơ:

Ví dụ:

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

(Bà Huyện Thanh Quan)

*Chim hôm thoi thót về rừng  
Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành*

( Nguyễn Du)

=> Trong thơ Nguyễn Trãi, tuy là đầu tịch dương, là cuối ngày rồi nhưng vạn vật vẫn căng tràn sức sống. Bức tranh thiên nhiên rộn rã, tươi thắm, dạt dào sức sống.

- Hệ thống động từ:

+ *đùn đùn*: có dòng nhựa sống đang ứa căng trong thớ vỏ của hoa hòe, phun trào ra hết lớp này đến lớp khác.

+ *giương*: tán lá xòe rộng ra để che rợp cả khoảng không rộng lớn.

+ *phun*: dòng nhựa đang tràn trề và phun trào lên, tạo thành màu đỏ rực rỡ của hoa lựu.

## 8. Đề thi HK1 môn Ngữ Văn 10 số 8

TRƯỜNG THPT HUỲNH THỨC KHÁNG

ĐỀ THI HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

### I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

(1) *Quê hương tôi có cây bầu cây nhĩ  
Tiếng “đàn kêu tích tịch tình tang...”*

Có cô Tấm nấu mình trong quả thị,  
 Có người em may túi đựng ba gang.  
 (2) Quê hương tôi có bà Trưng, bà Triệu  
 Cưỡi đầu voi, dấy nghĩa trả thù chung.  
 Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến,  
 Hưng Đạo Vương đã mở hội Diên Hồng.  
 (3) Quê hương tôi có hát xòe, hát đúm,  
 Có hội xuân liên tiếp những đêm chèo.  
 Có Nguyễn Trãi, có “Bình Ngô đại cáo”.  
 Có Nguyễn Du và có một “Truyện Kiều”.

(Trích Bài thơ quê hương- Nguyễn Bính)

**Câu 1:** Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên là gì?

**Câu 2:** Hãy chỉ ra: ba truyện cổ tích được gợi nhớ trong khổ (1) và những sự kiện lịch sử được gợi nhớ trong khổ (2).

**Câu 3:** Xác định và nêu hiệu quả của hai trong số các biện pháp nghệ thuật của đoạn thơ.

**Câu 4:** Anh (chị) có nhận xét gì về tình cảm của tác giả đối với những di sản tinh thần của dân tộc thể hiện qua khổ (3).

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 5 đến câu 8:**

... (1) *Vậy tìm hứng thú học văn ở đâu?*

*Trước hết, cần tìm ngay ở môn Ngữ văn, một môn học rất hay. Văn chính là môn học chứa đựng và truyền tải đi những thông điệp của tình cảm, cảm xúc đẹp ở con người. Học văn sẽ giúp các em hiểu hơn về những điều đáng quý, đáng yêu trong cuộc sống, biết yêu những con người bình dị xung quanh.*

*(2) Môn Văn ở bất cứ nước nào cũng được coi là môn học làm người. Tôi nhớ khi còn đi học, vào ngày tựu trường, mẹ tôi cũng dắt tay tôi đến trường, lúc đó tôi không biết gọi cảm xúc lòng mình đang có là gì, chỉ đến khi cô giáo của tôi đọc một đoạn trong bài “Tôi đi học” của Thanh Tịnh, tôi mới hiểu được cái hơi thu se lạnh, cái siết tay nắm chặt của mẹ và cảm giác vừa hân hoan vừa lo sợ của tôi, ... Nếu không có áng văn đó chắc phải lâu lắm tôi mới hiểu được những tình cảm và cảm xúc tốt đẹp ngây thơ khi còn nhỏ dại.*

*(3) Cùng những tình cảm đẹp mà các em học được từ những áng văn hay, kết hợp với suy nghĩ trong sáng, học Văn sẽ kích thích trí tưởng tượng của các em, khiến các em biết ước mơ, biết hi vọng. Có ước mơ các em sẽ lớn lên và trưởng thành. Chính sự lớn lên và trưởng thành đó sẽ tặng các em hứng thú học Văn.*

(Trích Tìm hứng thú học Văn, Phong Thu, Tạp chí Văn học và tuổi trẻ, Số 2, Nxb GD, 2015)

**Câu 5:** Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên.

**Câu 6:** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn.

**Câu 7:** Học văn sẽ giúp các em hiểu hơn về những điều đáng quý, đáng yêu trong cuộc sống, biết yêu những con người bình dị xung quanh, [...] học Văn sẽ kích thích trí tưởng tượng của các em, khiến các em biết ước mơ, biết hi vọng. Có ước mơ các em sẽ lớn lên và trưởng thành.

Anh (chị) hãy cho biết quan điểm trên của tác giả là nhằm khẳng định điều gì?

**Câu 8:** Khi có hứng thú học Văn, anh (chị) sẽ rút ra được điều bổ ích nào cho bản thân? (Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng).

## II. PHẦN LÀM VĂN (6,0 điểm)

Về hình ảnh ngọc trai – giếng nước trong Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy, có ý kiến cho rằng: Đó là biểu tượng của tình yêu chung thủy giữa Mị Châu và Trọng Thủy. Ý kiến khác lại nhấn mạnh: Đó là sự hóa giải một nỗi oan tình.

Từ việc cảm nhận về hình ảnh ngọc trai – giếng nước, anh (chị) hãy bình luận các ý kiến trên

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 8 MÔN: NGỮ VĂN 10

### I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

**Câu 1:** Các phương thức biểu đạt của đoạn thơ: phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm. (0,25 điểm)

**Câu 2:**

- Ba truyện cổ tích được gợi nhớ trong khổ (1): Thạch Sanh, Tấm Cám, Cây khế. (0,25 điểm)

- Những sự kiện lịch sử được gợi nhớ trong khổ (2): Khởi nghĩa Hai Bà Trưng; Khởi nghĩa Bà Triệu; Khởi nghĩa Lam Sơn; Hội nghị Diên Hồng. (0,25 điểm)

**Câu 3:** Chỉ ra được hai biện pháp nghệ thuật (điệp ngữ, liệt kê,...) và nêu được tác dụng của chúng (tình cảm của tác giả đối với những di sản tinh thần của dân tộc). (0,5 điểm)

**Câu 4:** Tình cảm của tác giả với những di sản tinh thần của dân tộc: yêu mến, trân trọng, thể hiện qua cách khẳng định bằng điệp ngữ “quê hương tôi”, qua giọng điệu say sưa, tự hào. (0,75 điểm)

**Câu 5:** Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích: Vậy tìm hứng thú học văn ở đâu? (0,25 điểm)



**Câu 6:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn: phương thức tự sự.(0,25 điểm)

**Câu 7:** Học văn sẽ giúp các em hiểu hơn về những điều đáng quý, đáng yêu trong cuộc sống, biết yêu những con người bình dị xung quanh, [...] học Văn sẽ kích thích trí tưởng tượng của các em, khiến các em biết ước mơ, biết hi vọng. Có ước mơ các em sẽ lớn lên và trưởng thành.

Tác giả muốn khẳng định: tầm quan trọng, tác động của việc học văn đối với tình cảm, nhận thức con người; đồng thời đó cũng là động lực để tạo nên niềm hứng thú học văn. (0,75 điểm)

**Câu 8:** Câu trả lời phải chặt chẽ, thuyết phục, thể hiện nhận thức tích cực của người học. (0,75 điểm)

## II. PHẦN LÀM VĂN (6,0 điểm)

### 1. Mở bài (0,5 điểm)

- Giới thiệu về thể loại truyện thuyết.
- Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy.
- Trích dẫn ý kiến đánh giá về hình ảnh ngọc trai – giếng nước.

### 2. Thân bài (5,0 điểm)

#### 2.1 Giải thích (1,0 điểm)

- Ý kiến thứ nhất: Thủy là khởi nguồn, bắt đầu; Chung là cuối, kết thúc. Người ta dùng khái niệm tình yêu chung thủy để chỉ sự không thay đổi, trước sau vậy và đặc biệt dùng để miêu tả tính chất đẹp đẽ của mối quan hệ, sự gắn kết vợ chồng. Ý kiến ca ngợi mối tình chung thủy giữa Mị Châu và Trọng Thủy.

- Ý kiến thứ hai: oan là bị hiểu lầm, bị nhìn sai, bị đánh giá không đúng, bị phê phán bất công, bị nhận định thiên lệch... và cuối cùng mang chịu kết luận, phán quyết không hợp với công lý và nhân bản. Ý kiến nhấn mạnh đến sự hóa giải nỗi oan tình giữa Mị Châu và Trọng Thủy.

#### 2.2 Cảm nhận về hình ảnh ngọc trai – giếng nước(4,0 điểm)

- Vị trí: hình ảnh ngọc trai – giếng nước là hình ảnh khép lại truyền thuyết Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy. (0,25 điểm)

- Cơ sở sự xuất hiện hình ảnh “ngọc trai – giếng nước”:(0,5 điểm)

+ Hình ảnh ngọc trai xuất hiện bởi lời khấn nguyện của Mị Châu trước khi chết: Nàng mong được người đời minh oan cho tấm lòng yêu nước nhưng nhẹ dạ, ngây thơ của mình.

+ Giếng nước vốn có ở Loa Thành từ trước. Sau khi Mị Châu chết, Trọng Thủy thương tiếc khôn cùng, khi đi tắm tưởng như thấy bóng dáng Mị Châu, bèn lao đầu xuống giếng mà chết.

+ Ngọc trai – giếng nước trở thành cặp hình ảnh sóng đôi trong truyện: Người đời sau mò được ngọc ở biển Đông, lấy nước giếng này mà rửa thì thấy trong sáng thêm.

- Ý nghĩa của hình ảnh “ngọc trai – giếng nước”: (2,0 điểm)

+ Ngọc trai là sự hóa thân của Mị Châu, như một sự chứng nhận rằng Mị Châu không chủ ý dối cha và bán nước. Nàng vì ngây thơ, nhẹ dạ nên đã vô tình nối giáo cho giặc, đẩy trăm họ vào cảnh lầm than. Trước khi chết, Mị Châu đã kịp nhận ra mình bị lừa dối và kẻ đó chính là chồng mình người mà nàng tin tưởng nhất. Nàng cũng đã ý thức được tội lỗi nặng nề của mình. Nàng không xin tha chết, chỉ xin được hoá thân để rửa sạch mỗi nhục thù. Sự nhẹ dạ đó của Mị Châu phải trả giá không chỉ bằng sinh mạng nàng mà bằng cả máu của cả dân tộc. Vì thế, nếu có kiếp sau, Mị Châu chắc không thể tiếp tục mù quáng chung tình với một tên lừa dối như Trọng Thủy. Mặc dù tâm hồn nàng được xá tội nhưng lịch sử vẫn nghiêm khắc phán xét nàng, và từ lỗi lầm của nàng mà nhắc nhở con cháu, trai – gái các thế hệ muôn đời sau bài học cảnh giác với kẻ thù, mối quan hệ giữa cái chung – cái riêng, giữa tình nhà – nợ nước.

+ Trọng Thủy cũng đã nhận ra sai lầm của mình: những tưởng vừa thực hiện được yêu cầu của cha vừa giữ được tình yêu. Nhưng hạnh phúc tình yêu không thể tồn tại song song cùng chiến tranh xâm lược. Khi ôm xác Mị Châu không đầu bên bờ biển, Trọng Thủy mới ý thức được tất cả mất mát và tình yêu mà hắn đã dành cho vợ. Hành động lao đầu xuống giếng mà chết là một tất yếu, một kết cục không thể khác. Hắn chết vì khủng hoảng trong nhận thức và tình cảm.

+ Vì thế, nếu hình ảnh ngọc trai - giếng nước tượng trưng cho sự gặp lại của hai người ở kiếp sau chứng tỏ những mâu thuẫn trong lòng Trọng Thủy, những đau đớn, ân hận, tội lỗi của y đã được Mị Châu ghi nhận và tha thứ ở thế giới bên kia. Chi tiết ngọc trai đem rửa trong nước giếng lại càng sáng đẹp hơn nói lên rằng chứng tỏ nàng đã gột sạch được tội lỗi. Hình ảnh ngọc trai - giếng nước chắc chắn đó không phải là biểu tượng của mối tình thủy chung mà chỉ là hình ảnh một mối oan tình được hoá giải.

- Nghệ thuật khắc họa: sử dụng motif hóa thân kỳ ảo rất quen thuộc trong các truyền thuyết; nghệ thuật xây dựng nhân vật vừa gắn với cốt lõi sự thật lịch sử vừa có yếu tố hư cấu; các chi tiết nghệ thuật, ngôn ngữ, hành động được chọn lọc,... (0,5 điểm)

### 2.3 Đánh giá ý kiến (0,75 điểm)

- Hình ảnh ngọc trai - giếng nước chắc chắn đó không phải là biểu tượng của tình yêu chung thủy giữa Mị Châu và Trọng Thủy. Nhân dân ta không có ý định sáng tạo nghệ thuật để ca ngợi tình yêu chung thủy, son sắt, vượt qua những thù hận của hai nước giữa Mị Châu và Trọng Thủy; lại càng không có ý định ca ngợi những kẻ vô tình hay hữu ý đã làm mất nước.

- Hình ảnh ngọc trai - giếng nước là hình ảnh một mối oan tình được hoá giải, là sự thể hiện tập trung nhất nhận thức về lịch sử, nói lên truyền thống ứng xử bao dung, đầy nhân hậu của nhân dân đối với nhân vật trong truyện.

### 3. Kết bài (0,5 điểm)

- Khẳng định ý nghĩa giáo dục của hình ảnh ngọc trai - giếng nước đối với con người mọi thế hệ.

## 9. Đề thi HK1 môn Ngữ Văn 10 số 9

### TRƯỜNG THPT NGUYỄN THẢO NGUYÊN

ĐỀ THI HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

### PHẦN I: ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN (3.0 điểm)

Đọc kĩ văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Thêm một tuổi đời, vậy là cái tuổi ba mươi đâu còn xa nữa. Vài năm nữa thôi mình sẽ trở thành một chị cán bộ già dặn đứng đắn. Nghĩ đến đó mình thoáng thấy buồn. Tuổi xuân của mình đã qua đi trong lửa khói, chiến tranh đã cướp mất hạnh phúc trong tình yêu và tuổi trẻ. Ai lại không tha thiết với mùa xuân, ai lại không muốn cái sáng ngời trong đôi mắt và trên đôi môi căng mọng khi cuộc đời còn ở tuổi hai mươi? Nhưng... tuổi hai mươi của thời đại này đã phải dẹp lại những ước mơ hạnh phúc mà lẽ ra họ phải có...”*

(*Nhật kí Đặng Thùy Trâm* – NXB Hội Nhà Văn, 2005)

**Câu 1:** Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào, thể hiện ở dạng gì? Nêu các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ đó. (1,0 điểm)

**Câu 2:** Văn bản trên diễn tả tâm sự gì của tác giả? (1,0 điểm)

**Câu 3:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản trên và nêu tác dụng. (1,0 điểm)

## **PHẦN II: LÀM VĂN (7.0 điểm)**

**Câu 1: (2.0 điểm)**

Từ việc đọc hiểu văn bản trên, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 – 15 dòng) trình bày suy nghĩ của anh/chị về nội dung: *Sống để tuổi thanh xuân có ý nghĩa*

**Câu 2: (5.0 điểm)**

“*Thuật hoài* là lời tự nói với mình về ý thức trách nhiệm đối với Tổ quốc của tác giả. Đó là tình cảm, ý chí, khí phách người anh hùng thời Trần”.

Qua phân tích bài thơ *Tổ lòng (Thuật hoài)* của Phạm Ngũ Lão, anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

### **HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 9 MÔN: NGỮ VĂN 10**

#### **I. ĐỌC HIỂU**

**Câu 1:**

**Phương pháp:** Căn cứ vào các phong cách ngôn ngữ đã học: sinh hoạt, nghệ thuật, báo chí, chính luận, hành chính – công vụ

**Cách giải:**

- Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (khẩu ngữ); thể hiện ở dạng viết
- Các đặc trưng của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt: tính cụ thể, tính cảm xúc và tính cá thể

**Câu 2:**

**Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

**Cách giải:**

Đó là tâm sự của một bác sĩ trẻ giữa chiến trường ác liệt trong thời khắc của năm mới. Một tâm sự tiếc nuối tuổi thanh xuân nhưng cũng sẵn sàng hiến dâng tuổi xuân.

**Câu 3:**

**Phương pháp:** Căn cứ vào các biện pháp tu từ đã học

**Cách giải:**

Các biện pháp tu từ được sử dụng là:

- Câu hỏi tu từ: *Ai lại không tha thiết với mùa xuân, Ai lại không muốn cái sáng ngời trong đôi mắt và đôi môi căng mọng khi cuộc đời còn ở tuổi hai mươi?*

- Phép điệp ngữ: *Ai lại không...*

=> Tác dụng: Nhấn mạnh, khẳng định và làm nổi bật khát vọng, sự tha thiết với mùa xuân, với tuổi trẻ ở mỗi người.

## II. LÀM VĂN

### Câu 1:

**Phương pháp:** Sử dụng các thao tác lập luận để tạo lập một đoạn văn nghị luận (bàn luận, so sánh, tổng hợp,...)

**Cách giải:**

#### a. Nêu vấn đề

#### b. Giải thích vấn đề

- Sống là một hành trình mà mỗi con người đều trải qua.

- Tuổi thanh xuân là quãng thời gian tươi đẹp của mỗi con người, đó chính là tuổi trẻ.

=> Sống để tuổi thanh xuân có ý nghĩa là sống hết mình, cháy hết mình ở quãng đời tuổi trẻ.

#### c. Phân tích, bàn luận vấn đề

- Sống thế nào để tuổi thanh xuân có ý nghĩa?

+ Sống một cách đầy nhiệt huyết, luôn khao khát theo đuổi những giá trị/ những ước mơ chính đáng mà mình mong muốn

+ Sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội

+ Biết tạo dựng cho mình một cuộc đời ý nghĩa và sống đẹp

- Nếu không sống một tuổi thanh xuân có ý nghĩa thì sao?

+ Bản thân sẽ bỏ qua những cơ hội phát triển

+ Khi năm tháng qua đi sẽ phải tiếc nuối vì mình đã sống hoài, sống phí

#### d. Liên hệ bản thân

- Em đã làm gì để tuổi thanh xuân của mình trở nên ý nghĩa hơn?

### Câu 2:

**Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

### Cách giải:

#### Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

#### Yêu cầu nội dung:

##### 1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, ý kiến

- Phạm Ngũ Lão là danh tướng nổi tiếng đời Trần. Ông có nhiều công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông
- Nguyên, làm đến chức Điện súy, được phong tước Quan nội hầu. Là võ tướng nhưng ông thích đọc sách, ngâm thơ và từng được ngợi ca là người văn võ toàn tài.
- *Tỏ lòng* là một trong những thi phẩm xuất sắc của ông.
- Bàn về bài thơ, có ý kiến cho rằng: “**Thuật hoài** là lời tự nói với mình về ý thức trách nhiệm đối với Tổ quốc của tác giả. Đó là tình cảm, ý chí, khí phách người anh hùng thời Trần”

##### 2. Phân tích

##### 2.1 Về đẹp hào hùng của con người và quân đội thời Trần.

###### a. Hình tượng con người

- Dựng lên bối cảnh thời gian và không gian làm phong nền để làm nổi bật hình ảnh con người

+ Không gian: “Giang sơn” (sông núi)

→ Mở ra không gian bao la, lớn rộng, không gian của cả quốc gia, dân tộc.

+ Thời gian: “kháp kỉ thu” (đã mấy thu)

→ Mở ra khoảng thời gian dài lâu và bền vững.

- Hình ảnh con người hiện lên nổi bật với tư thế “hoành sóc” (cầm ngang ngọn giáo) để trấn giữ non sông đã mấy thu rồi.

Dường như chiều dài ngọn giáo ngang tầm non sông, đất nước.

⇒ Con người mang tầm vóc vũ trụ, sáng ngang với vũ trụ.

⇒ Con người hiên ngang, kiên cường, bền bỉ trong nhiệm vụ bảo vệ đất nước, trấn giữ đất nước.

### **b. Hình tượng quân đội**

- Tam quân: ba quân

+ Cách tổ chức quân đội thời xưa: toàn quân (tiền quân, trung quân, hậu quân)

+ Sức mạnh, sự đồng lòng của cả dân tộc, cả thời đại.

- Hình ảnh so sánh: mang đến hai cách hiểu:

+ Cách 1: ba quân mạnh như hổ báo, nuốt trôi trâu

+ Cách 2: ba quân mạnh như hổ báo, khí thế át cả sao Ngưu trên trời -> vừa có chất hiện thực vừa có chất lãng mạn.

⇒ Chúng ta có thể hiểu theo cả hai cách.

⇒ Sức mạnh thời Trần: Hào khí Đông A.

## **2.2 Về đẹp của tâm hồn, nhân cách và lí tưởng của tác giả.**

### **a. Chí lớn lập công danh**

Thể hiện qua quan niệm, nhận thức về món nợ công danh của kẻ làm trai.

- Nợ công danh:

+ Quan niệm công danh này xuất phát từ quan niệm nhập thế tích cực của Nho giáo: phải ở giữa cuộc đời này, dốc hết tâm sức để giúp dân, giúp đời.

+ Xuất phát từ tinh thần của thời đại.

⇒ Hình thành lí tưởng sống của những trang nam nhi trong xã hội đương thời: phải lập công danh (công: sự nghiệp lớn lao, danh: để tiếng thơm của mình lưu truyền muôn đời).

Quan niệm này được nhắc đến nhiều lần trong thơ ca xưa nay:

- *Làm trai cho đáng nên trai*  
*Xuống đông đông tĩnh lên đoài đoài yên*  
 - *Làm trai cho đáng nên trai*

*Phú Xuân đã trải Đồng Nai đã từng*

Khi chí làm trai không rõ ràng sẽ có những câu ca phê phán:

*- Làm trai cho đáng nên trai*

*Khom lưng uốn gối gánh hai hạt vừng*

*- Chồng người đánh bắt đẹp đông*

*Chồng em ngồi bếp sờ lông con mèo*

Trong thơ của các nhà thơ trung đại cũng nói đến chí làm trai:

*- Chí làm trai Nam Bắc Tây Đông*

*Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể*

*- Đã mang tiếng ở trong trời đất*

*Phải có danh gì với núi sông*

- Nợ công danh đặt trong hoàn cảnh đương thời, khi Phạm Ngũ Lão viết bài thơ này: Đất nước đối mặt với giặc ngoại xâm hùng mạnh, đây là lúc những kẻ làm trai thể hiện chí lớn, để trả món nợ công danh. Món nợ công danh càng bị hối thúc.

→ Tự mình phải nhắc nhở mình trả món nợ công danh này: từ bỏ lối sống ích kỉ, xông pha trận mạc để cứu nước, cứu dân.

⇒ Món nợ công danh trong nhận thức của Phạm Ngũ Lão vừa mang tư tưởng tích cực của thời đại, vừa mang tinh thần dân tộc.

⇒ Chính vì thế nó luôn luôn canh cánh trong cõi lòng Phạm Ngũ Lão

## **b. Nhân cách lớn lao:**

Thể hiện qua nổi thẹn của Phạm Ngũ Lão khi nghe chuyện Vũ Hầu

- Vũ Hầu: Gia Cát Lượng – vị quân sư nổi tiếng, nhân vật lịch sử lỗi lạc, một bề tôi trung thành giúp Lưu Bị làm nên những chiến công oanh liệt để xây dựng và giữ vững nước Thục.

→ Nổi thẹn thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của Phạm Ngũ Lão.

+ Ý chí, nỗ lực muốn theo gương người xưa để lập công danh cho xứng tầm.

+ Chí lớn mong muốn mình có những chiến công sánh ngang những nhân vật lịch sử lỗi lạc.

⇒ Nổi thẹn của một nhà nho có nhân cách lớn, cũng là nổi thẹn của một người dân yêu nước.



### 3. Kết bài

- Khái quát lại vấn đề.

## 10. Đề thi HK1 môn Ngữ Văn 10 số 10

TRƯỜNG THPT AN MỸ

ĐỀ THI HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

### I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:

.....Những người hôi của bên chiếc xe cháy trụi, chỉ vài chai dầu ăn, sữa tắm. Gương mặt bất lực ứa nước mắt của người đàn ông phong trần. Và gương mặt bền lễn khi xóm làng vận động người hôi của trả lại cho người lái xe số vật phẩm trên.

Những tàn ác, tham lam, ti tiện... cũng giống như rêu rác trên bề mặt của một con sông đang cuộn trào. Nhìn ngang, nó dày đặc lắm, tưởng chừng bung hãn lấp kín cả mặt sông. Nhưng nhìn sâu, dưới bề mặt đó là một khối nước khổng lồ gấp bội. Khối nước đó trong veo, cuộn cuộn và miệt mài lao đi, tưới đẫm cho vấy vùng.

Cuộc đời này có chuyện xấu xa, nhưng cuộc này này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa. Khối nước kia mới thực sự là nguồn sức mạnh nguyên thủy và vĩnh hằng nuôi dưỡng sự sống, vẽ màu xanh lên bầu trời, nở ra những thảm hoa rực rỡ trong tâm hồn mỗi con người.

(Hoàng Xuân, Tri thức trẻ, 5.11.2016)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản? (0.5 điểm)

**Câu 2:** Đặt nhan đề phù hợp cho văn bản trên? (0.5 điểm)

**Câu 3:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng và tác dụng của biện pháp tu từ đó trong câu: “Những tàn ác, tham lam, ti tiện.... cũng giống như rêu rác trên bề mặt một con sông đang cuộn trào” (1.0 điểm)

**Câu 4:** Thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với anh/chị được rút ra từ văn bản? Vì sao? (1.0 điểm)

## II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 điểm)

### Câu 1: Nghị luận xã hội (2.0 điểm)

Từ vấn đề đặt ra trong văn bản phần Đọc hiểu anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý kiến “Cuộc đời này có chuyện xấu xa, nhưng cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa”

### Câu 2: Nghị luận văn học (5.0 điểm)

Phân tích bài thơ Nhàn để làm rõ vẻ đẹp cuộc sống và nhân cách trí tuệ của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

.....HẾT.....

## HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI HK1 SỐ 10 MÔN: NGỮ VĂN 10

### I. ĐỌC HIỂU (3.0 ĐIỂM)

#### Câu 1:

- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

#### Câu 2:

**Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

**Cách giải:**

Gợi ý: Những điều tử tế,...

#### Câu 3:

**Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

**Cách giải:**

- Biện pháp nghệ thuật so sánh Những tàn ác, tham lam, ti tiện với rêu rác trên bề mặt một con sông đang cuộn trào

- Tác dụng: Tạo nên cách diễn đạt hình ảnh, ấn tượng về những điều ác, điều xấu đang diễn ra tràn lan, có thể nhìn thấy rất rõ ràng.

**Câu 4:****Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp**Cách giải:** HS lựa chọn thông điệp và lý giải sự lựa chọn sao cho phù hợp, thuyết phục**Gợi ý:**

- Niềm tin về những điều tốt đẹp trong cuộc đời luôn tồn tại và có sức sống mãnh liệt.

**II. LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)****Câu 1:****Phương pháp:** Phân tích, giải thích, bình luận**Cách giải:****Giải thích:**

- “Chuyện xấu xa”: là những chuyện tàn ác, tham lam, ti tiện...những mặt trái trong xã hội.

Câu nói khẳng định: Cuộc đời này vẫn tồn tại những chuyện xấu xa, tàn nhẫn, nhưng đồng thời cũng thể hiện niềm tin mãnh liệt vào những điều tốt đẹp luôn tồn tại trong cuộc đời.

Phân tích, chứng minh, bàn luận:

Tại sao “Cuộc đời này có chuyện xấu xa”:

- Các ác, cái xấu luôn tồn tại song song với những điều tốt đẹp. Đó chính là hai mặt của cuộc sống và con người. Trong mỗi con người luôn có phần con và phần người, phần bản năng và phần ý chí. Khi để bản năng chế ngự, con người sẽ dễ dàng rơi vào những tàn ác, tham lam, ti tiện,..và vì thế mà sẽ gây ra cho cuộc đời này những chuyện xấu xa.

Tại sao “cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa”

- Lương thiện là bản chất nguyên thủy của con người, hướng thiện luôn là khát khao tiềm ẩn và mãnh liệt của nhân loại tiến bộ.

- Chứng kiến những điều xấu xa, thăm sâu trong lương tâm mỗi người sẽ cảm thấy ghê sợ, từ đó hoặc tránh xa hoặc đấu tranh, lên án để loại bỏ những điều xấu xa trong xã hội.

- Bản thân mỗi con người khi làm điều ác, điều xấu sẽ rơi vào cảm giác day dứt, ăn năn, hối hận, để từ đó đó đấu tranh với chính mình và vươn lên những điều tốt đẹp.

Bài học nhận thức và hành động:

- Cần có cách nhìn nhận đúng đắn để thấy rằng cái ác, cái xấu có thể đang hiện hữu, lan rộng, nhưng đó chỉ là nhìn bên ngoài bề mặt, còn thực chất những điều tốt đẹp luôn được nhân loại trân trọng và giữ gìn.

- Cần có thái độ, hành động đúng đắn: tránh xa và lên án, đấu tranh loại bỏ cái ác, cái xấu, nhân rộng những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

## **Câu 2:**

### **Phương pháp:**

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

### **Cách giải:**

#### ***Yêu cầu hình thức:***

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

#### ***Yêu cầu nội dung:***

#### **Mở bài:**

- Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Bình Khiêm và phong cách thơ của ông: Nguyễn Bình Khiêm là nhà thơ lớn của văn học dân tộc. Thơ ông mang đậm tính triết lí, giáo huấn, ngợi ca chí của kẻ sĩ, thú thanh nhàn, phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội.

- Giới thiệu về bài thơ "Nhàn": "Nhàn" là bài thơ Nôm số 73 trong Bạch Vân quốc ngữ thi, là lời tâm sự nhẹ nhàng, thâm trầm, sâu sắc về quan niệm sống "nhàn" của tác giả.

#### **Thân bài:**

Hoàn cảnh sáng tác bài thơ

### Phân tích:

a. Cuộc sống hàng ngày của nhà thơ

Hai câu đề:

*“Một mai, một cuốc, một cần câu*

*Thơ thần dầu ai vui thú nào.”*

- “Một mai, một cuốc, một cần câu” trở về với cuộc sống thuần hậu, chất phác của một lão nông, tri điền, đào giếng lấy nước uống và cày ruộng lấy cơm ăn.
- Tác giả sử dụng kết hợp khéo léo thủ pháp liệt kê các dụng cụ lao động cùng với điệp từ “một” và nhịp thơ 2/2/3 cho thấy cuộc sống nơi thôn dã cái gì cũng có, tất cả đã sẵn sàng
- Các vật dụng gắn liền với công việc vất vả của người nông dân đi vào thơ Nguyễn Bình Khiêm một cách tự nhiên, thư thái như chính tâm hồn của nhà thơ.
- Con người tìm thấy niềm vui, sự thanh thản trong cuộc sống, không gọi chút mưu tục. Một mình ta lựa chọn cách sống “thơ thần” mặc kệ ai kia “vui thú nào”. Tự mình lựa chọn cho mình một lối sống, một cách sống kệ ai có những thú riêng, âu đó cũng là bản lĩnh của kẻ sĩ trước thời cuộc.

Hai câu thực:

*“Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ*

*Người khôn người đến chốn lao xao.”*

- Thủ pháp đối lập và cách nói ẩn dụ

+ Ta dại ↔ Người khôn

+ Nơi vắng vẻ ↔ chốn lao xao → hình ảnh ẩn dụ: Nơi vắng vẻ là nơi tĩnh tại của thiên nhiên, nơi tâm hồn tìm thấy sự thanh thoi; Chốn lao xao là nơi quan trường, nơi bon chen quyền lực và danh lợi.

- Phác hoạ hình ảnh về lối sống của hai kiểu người Đại – Khôn → triết lí về Đại – Khôn của cuộc đời cũng là cách hành xử của tầng lớp nho sĩ thời bấy giờ => Cách nói ngược, hóm hỉnh.

=> Như vậy: Trong cuộc sống hàng ngày, với Nguyễn Bình Khiêm, lối sống Nhàn là hoà hợp với đời sống lao động bình dị, an nhiên vui vẻ tránh xa vòng danh lợi, bon chen chốn vinh hoa, phú quý.

b. Quan niệm sống và vẻ đẹp nhân cách của nhà thơ

Hai câu luận:

*“Thu ăn măng trúc, đông ăn giá*

*Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.”*

- Hình ảnh thiên nhiên: bốn mùa tuần hoàn Xuân – Hạ – Thu – Đông

- Món ăn dân dã: măng trúc, giá

- Sinh hoạt: tắm hồ sen, tắm ao

- Sử dụng phép đối + liệt kê => Lối sống hoà hợp, thuận theo tự nhiên

=> Nhàn là “Thu ăn măng trúc đông ăn giá”, mùa nào thức nấy. Những sản vật không phải cao lương mỹ vị mà đậm màu sắc thôn quê. Ngay cả việc ăn uống, tắm táp, làm lụng... đã trở thành nhàn trong cái nhìn của Nguyễn Bình Khiêm. Để có được sự an nhiên, tĩnh tại trong tâm hồn như vậy phải là một người có nhận thức sâu sắc của cuộc đời. Nguyễn Bình Khiêm cũng nhận thấy lòng tham chính là căn nguyên của tội lỗi. Bởi vậy mà ông hướng đến lối sống thanh bạch, giản dị, thuận theo tự nhiên.

Hai câu kết

*“Rượu đến cội cây ta sẽ uống*

*Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.”*

- Điển tích: Rượu đến cội cây, sẽ uống, Phú quý tựa chiêm bao => Nguyễn Bình Khiêm coi công danh phú quý tựa như giấc chiêm bao, giống như phù du vậy. Khi thể hiện quan điểm của mình, Nguyễn Bình Khiêm lựa chọn mình thế đứng bên ngoài của sự căm dỗ danh lợi, vinh hoa – phú quý, bộc lộ thái độ xem thường.

- Nhìn xem: biểu hiện thể đứng từ bên ngoài, coi thường danh lợi. Khẳng định lối sống mà mình đã chủ động lựa chọn, đứng ngoài vòng cám dỗ của vinh hoa phú quý.

=> Nguyễn Bình Khiêm cảm thấy an nhiên, vui vẻ bởi thi sĩ được hoà hợp với tự nhiên, nương theo tự nhiên để di dưỡng tinh thần, đồng thời giữ được cốt cách thanh cao, không bị cuốn vào vòng danh lợi tầm thường.

=> Như vậy, thú Nhàn của Nguyễn Bình Khiêm là dấu ấn của một thời đại lịch sử, thể hiện cách ứng xử của người trí thức trước thời loạn: giữ tròn thanh danh khí tiết. Nguyễn Bình Khiêm đã nâng tư tưởng “Nhàn” trở thành một triết lý sống, là cách hành xử trước thời cuộc, coi đây là phương thức hoá giải mâu thuẫn và hoà hoãn những xung đột thời ông đang sống.

#### **Kết bài:**

- Khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của bài thơ: Với cách sử dụng ngôn ngữ giản dị mà giàu triết lý cùng cách nói đối lập, bài thơ đã dựng nên chân dung cuộc sống, nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm: hoà hợp với thiên nhiên, cốt cách thanh cao, không màng danh lợi.